TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST
Ngày 02/4/2024
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai Ka

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Kim Phượng

Ông Trần Văn Kiệt

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long*:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2024/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 về việc *"Xin ly hôn, nuôi con"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Thạch Thị B**, sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Duy T**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25/01/2024 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Thạch Thị B trình bày:

Qua quen biết chị B và anh Trần Duy T có tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 16, ngày 04/3/2013 tại Ủy ban nhân

dân xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T không chăm lo cho cuộc sống gia đình mà chỉ lo nhậu nhẹt, anh chị thường xuyên cự cãi, lúc nhậu say anh T còn đánh chị B nhưng chị không trình báo chính quyền địa phương vì vẫn muốn hàn gắn hôn nhân nhưng anh T vẫn không thay đổi. Anh chị đã ly thân từ năm 2021 đến nay, từ lúc ly thân chị B đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống nhưng anh T vẫn không liên lạc và không có biện pháp hàn gắn hôn nhân với chị B.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Duy T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Trần Thanh H, sinh ngày 23/11/2012. Khi ly hôn chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Duy T vắng mặt không rõ lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ.

Ngày 06/3/2024 nguyên đơn chị Thạch Thị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Bị đơn anh Trần Duy T vắng mặt tại phiên xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận, quan hệ tranh chấp về "Ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Thạch Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Trần Duy T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Thạch Thị B và anh Trần Duy T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 16, ngày 04/3/2013 tại Ủy ban nhân dân

xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long nên đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị B: Chị B trình bày trong thời gian chung sống chị và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T không quan tâm chăm sóc gia đình, mỗi người tự lo cho bản thân của mình, anh T còn thường xuyên nhậu nhẹt và hay đánh đập chị B, hai anh chị đã ly thân từ năm 2021 đến nay.

Xét thấy anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ nhưng anh vẫn vắng mặt và cũng không có mặt tại phiên xét xử. Chị B và anh T đã ly thân từ năm 2021 đến nay nhưng cả hai đều không có biện pháp hàn gắn hôn nhân, Toà án đã triệu tập anh T nhiều lần nhưng anh đều vắng mặt không lý do, điều này thể hiện anh T không còn tha thiết đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí hoà giải đoàn tụ. Chị B xác định không còn tình cảm với anh T và kiên quyết ly hôn, chị và anh T cũng không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng nên việc chị B yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở. Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận cho chị B được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Chị B và anh T có 01 con chung là cháu Trần Thanh H, sinh ngày 23/11/2012. Xét H1 đã được chị B chăm sóc và nuôi dưỡng từ thời điểm chị B và anh T ly thân đến nay. Anh T đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không lý do, cũng như không có ý kiến trình bày về yêu cầu nuôi con chung của anh gởi đến Toà án. Tại Biên bản làm việc ngày 06/3/2024 cháu H1 có nguyện vọng được sống chung với chị B. Do đó để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu H1 cũng như dựa trên nguyện vọng của các cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu H1 cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc chị Thạch Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị B.

1. Về hôn nhân: Chị Thạch Thị B được ly hôn với anh Trần Duy T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thanh H, sinh ngày 23/11/2012 cho chị Thạch Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Trần Duy T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Thạch Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000718 ngày 15/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Chị B đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;
- Chi cục thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;
- Đương sự: 02;
- Ủy ban nhân dân xã Long An, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Mai Ka